

PHẬT-GIÁO HỘI

ASSOCIATION BOUDDHIQUE



ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BA

Báo quán ở chùa Quán-Sứ phố Richaud, Hanoi

慧 燦 報

Chủ nhiệm
NGUYỄN-NANG-QUOC
Chánh hội trưởng
hội Phật Giáo

Quản lý
CUNG-DINH-BINH

Chánh chủ bút
PHAN-TRUNG-THU
Sư cụ chùa Bằng-Số

Phó chủ bút
DUONG-VAN-HIEN
Sư cụ chùa Tô-Cát



GIÁ BÁO :

CẢ NĂM : 1 \$ 00 — NỬA NĂM : 0 \$ 50 — MỖI SỐ : 0 \$ 03

Lễ kính tiền siêu độ đức Thánh-cung

Hôm 15 Décembre đúng 10 giờ sáng, hội Phật-giáo đã làm lễ kính tiền siêu độ đức Thánh-cung Khôn-nguyên Thái-hoàng-thái-hậu tại chùa Quán-sứ Hà-nội. Trong chùa trần-thiết nghi-lễ rất là long-trọng; có nhiều vị thượng-tọa tụng kinh lễ Phật, tiếp linh dẫn độ theo lễ nhà chùa. Có quan Thống-sứ và các quan khách Tây Nam đến dự lễ cúng dâng. Đúng giờ ấy tất cả các chùa trong thành-phố Hà-nội và trong các địa-phương có đại-lý hội Phật-giáo đều thỉnh chuông tụng kinh cầu độ theo như lời dạy của hội trung-ương.

Kính trình các giáo-hữu hội-viên hội Phật-giáo

Báo «Đuốc-Tuệ» của hội ta ấn-hành là cốt điển dịch những kinh sách nhà Phật để cho hội-viên trong hội cùng hiểu thấu giáo-lý mà tu-hành. Báo ra mỗi năm 52 quyển, hội chỉ lấy vừa đủ tiền in có một đồng bạc; ai cũng nên và cũng có thể mua xem được cả. Hội đã gửi biểu các ngài quyền nhất. Nếu đến quyền thứ hai này mà ngài nào không gửi giả lại thì xin cứ ghi tên vào sổ mua báo, rồi trong một vài tháng ngài sẽ gửi tiền ở ông Chánh đại-biểu địa-phương ngài giả cho.

ĐẠO PHẬT CÓ QUAN-THIỆT VỚI SỰ SỐNG CỦA ĐỜI NGƯỜI

Bài diễn-văn của cụ Phan-dình-Hồe, Tổng-đốc hưu-tri trưởng-ban đại-lý hội Phật-giáo Nam-dinh, giảng tại chùa Cả là hội-quán đại-lý ấy tại Nam-dinh, ngày 15 tháng 10 năm Ất-Hợi (13 Août 1935)

TÔI nói Phật-giáo có quan-thiết với sự sống của đời người, là vì tôi thấy sách Nho có câu rằng : « vị tri sinh, yên tri tử », nghĩa là chưa biết được sự sống, sao biết được sự chết. Có lẽ là đức Khổng-Tử bảo người ta nên biết sự sống trước đã. Mà sở dĩ tôi đem sách Nho nói truyện đạo Phật, là vì đạo Phật với đạo Nho nghĩa-lý nhiều chỗ giống nhau, cho nên Trương-thương-Anh là tể-tướng đời nhà Tống tâu với vua Anh-Tôn rằng : « thần nhân học Phật, thiên hậu tri nho ». Nghĩa là : tôi nhân học đạo Phật, mà sau biết được đạo nho. Tôi cũng bắt chước ông Trương mà nói rằng : « Thần nhân học nho, thiên-hậu tri Phật », nghĩa là : tôi nhân học đạo Nho, mà sau biết được đạo Phật. Bởi thế, tôi mượn nghĩa-y Nho-giáo, mà nói truyện Phật-giáo.

Câu chuyện tôi nói hôm nay, thì đoạn đầu tôi nói : người ta sống ở đời, phải cần có tôn-giáo ; đoạn giữa tôi nói : tôn-giáo thì nên tôn Phật-giáo ; đoạn cuối cùng tôi biện-hộ những người ta phỉ báng Phật-giáo, và bàn với các ngài, xem phương-pháp tôn-tin Phật-giáo, nên làm thế nào ?

Đây tôi nói đoạn đầu : vì lẽ gì đời người cần phải có tôn-giáo ? Vì rằng có năm lẽ kể sau đây :

1^o) Không có tôn-giáo, thì không có đoàn-thể cố-kết, (chữ tôn-giáo này nói nghĩa rộng, tôn-giáo nào cũng thế), xem lịch-sử về đời trước của các nước Âu-châu, vì có Tôn-giáo mà đoàn-thể giáo-hội rất là cố kết với nhau, nước

này theo giáo-cũ, nước kia theo giáo-mới, đến nỗi sinh ra việc Tôn-giáo chiến-tranh, nghĩa là các nước đánh nhau, để tranh cái quyền truyền-bá tôn-giáo, trải đến bao nhiêu đời, bao nhiêu năm kinh địch nhau mãi, về sau các nước đề-xướng ra cái thuyết « tín-giáo tự-do ». Nghĩa là : ai muốn tín-ngưỡng giáo nào, được tự-do tùy ý. Rồi mới yên được việc binh-dao. Vậy thì chiến-tranh là việc không may ; nhưng vì có Tôn-giáo mà đoàn-thể cố-kết, là một chứng cứ rõ ràng.

Về Á-đông ta, thì các sách tân-thư, cho là không có nước nào tôn-giáo có sức mạnh ; nhờ nói ấy không phải là quá đáng. Vì thế, trong cõi Á-đông xưa nay không có cái va chiểu-tranh về tôn-giáo, là một sự may, nhưng mà không có tư-tưởng tôn-giáo, thì đoàn-thể rời-rạc, lại là một sự không may ; trừ ra nước Nhật-bản, đoàn-thể củng-cố, trong nước được phú-cường, tuy rằng cái cơ phú-cường ấy, vì nhiều nguyên-nhân khác, nhưng vì có tư-tưởng tôn-tin Phật-giáo, mà sinh ra linh-thần tinh-tiến dũng-mãnh, cũng là một cơ. Còn ngoài ra, thì ngay như bên Ấn-độ thuộc về Á-đông ta, là đất nước của đức Phật Thích-Ca thác-sinh ra mà đạo-giáo của ngài, cũng không truyền-bá khắp được ở xứ ấy, trong sách Âm-băng có câu rằng : « Phật-sinh ở Bắc Ấn-độ, nhi giáo bất-hành ở tổ-quốc, khả vi thế-giới nhất quái hiện-tượng ». Nghĩa là : Đức Phật sinh ra ở phía Bắc Ấn-độ, mà đạo-giáo không thịnh-hành ở tổ-quốc ngài, thật là một cái hiện-tượng quái-gở trên thế-giới. Mà nước to lớn nhất ở cõi Á-đông là nước Tàu, xưa nay cũng không có tôn-giáo nào là toàn-thể thịnh-hành ; như sau khi nhà Tần đốt sách chôn sống các nhà nho, vua Hán Cao-tổ đem con bò tế đức Khổng-tử, là đề tôn sùng Nho-giáo ; nhưng đến đời vua Văn-Đế, thì quan Tể-tướng là Tào-Tham lại chuyên học đạo Hoàng-Lão, đời vua Vũ-Đế, thì ông Cấp-Âm và bà Hoàng-hậu họ Đậu, cũng đều chuyên học đạo Hoàng-Lão ; đến đời Hậu-Hán niên-hiệu Vĩnh-Bình thứ 10, Phật-giáo mới truyền vào nước Tàu. Khi ấy vua Minh-Đế năm chiếm bao thầy người thần mình vàng dài 1 trượng 6 thước, trên trán có hào-quang rực-rỡ, hỏi các đình thần. Có người trả lời rằng :

Đó là ông thần ở phương Tây, gọi là đức Phật. Năm ấy vua Minh-Đế sai sứ sang Tây-trúc hỏi Phật pháp, và sao viết kinh Phật 42 thiên đem về, rồi làm chùa Bạch-Mã, và vẽ tượng Phật để thờ ; ấy việc tổ tượng bắt đầu từ đây, và nước Tàu có Phật-pháp, có tăng, cũng đều từ đời ấy trước nhất. Xem thế, thì trong đời nhà Hán, lúc thì sùng đạo Hoàng-Lão, lúc thì sùng đạo Phật, tôn-giáo không có nhất-định. Về sau Phật-Giáo lưu-hành ở nước Tàu, đời Đường là thịnh hơn cả ; đời ấy có đức Huyền-Trang và ông Thái-Điền sang Tây-trúc xin kinh ; và ông Bạch-cur-Dị làm bài tụng tĩnh-độ, đề niệm Phật Di-đà ; nhưng ông Hàn-Dũ lại làm bài biểu Phật-cốt đề bài-bác đạo Phật ; ông Tiêu-Vũ tâu vua khen Phật thực là bậc chí-thành ; nhưng ông Phế-Dịch lại dâng sớ chê Phật không có đạo tôn thần. Vậy thì Phật-giáo ở đời Hán đời Đường, chẳng qua là cá-nhân tôn-giáo, nghĩa là tôn-giáo của từng người một, chứ không phải là tôn-giáo của cả toàn-thể quốc-dân... Về sau đời Tống, đời Nguyên, đời Minh, cũng đều như thế cả.

Đến như nước Nam ta, thì Phật-giáo lưu-hành từ đời nhà Đinh đến bây giờ, kể cũng đã lâu đời, hiện làng nào cũng có chùa, cũng có tăng-ni, cứ như hình-thức bề ngoài, thì hình như tôn-giáo ở trong nước vẫn thịnh hành ; bởi thế, có người nói rằng : Phật-giáo có suy đời bao giờ đâu ; nhưng mà từ trước đến giờ, kỳ thực chỉ là quân-tướng tôn-giáo, tăng-ny tôn-giáo, và phụ-nữ tôn-giáo, nghĩa là : tôn-giáo của các dấng vua chúa, các ông khanh tướng về các đời trước và tôn-giáo của các vị tăng-ni, các bà tin-lão ở trong dân-gian, chứ không phải là tôn-giáo của cả toàn-thể dân trong nước.

Xem như trên đây, thì sở dĩ nhân-quần không có đoàn-thể liên-lạc, cái nguyên-nhân cũng bởi tại phần nhiều quốc-dân không có tư-tưởng tôn-giáo. Vậy muốn có đoàn-thể, cần phải có tôn-giáo.

2^o. — Không có tôn giáo thì tâm-lòng không được nhân-hạ, vì rằng : nếu có tư-tưởng tôn giáo, thì trong bụng cho những sự giàu nghèo, sang hèn, là bởi kiếp trước khéo tu hay vụng tu, thành ra, không có lúc nào âu sầu phiền não về số phận mình, cho nên tâm-thần thường được thanh-thời. Xem như

bên nước Mỹ, có nhà phú-thương, công việc hàng ngày bận rộn, không tiếp ai được 5 phút đồng hồ, trong trí khôn chỉ bề bộn những việc thương công kể-lại; cho nên ông ấy mỗi tuần lễ bớt ra mấy giờ đồng hồ, đến nhà giáo-lường tĩnh-niệm, để cho tâm-thần khoan-khoái. Vậy muốn linh hồn được rảnh-rỗi, tất phải có tôn-giáo.

3' — Không có tôn-giáo, thì trong bụng không biết sợ sệt về đường họa-phúc. Vì có tư tưởng tôn-giáo, thì biết sợ quả báo, mà lương-tâm gìn giữ, thường có lúc trông thấy con sâu, con kiến, cũng không nỡ dẫm lên. Dẫu kẻ ngu si hoặc hung bạo đến đâu, mà nghe những chuyện nghiệp-bào ở nơi địa-ngục; cũng phải chột giạ, chồn lòng. Cho nên người ta cần phải có tôn-giáo, thì mới không dám làm những điều tội ác.

4' — Không có tôn-giáo, thì không có nghị-lực kiên-nhẫn. Vì có tôn-giáo như học những phép thiền-định, nhập-định thì trong lòng không có nao-động nhộn-nhip về việc gì, thường có cái tinh-thần tĩnh-trọng, dảm-lực gan-lý. Xem như ông Trương-Tuấn đời nhà Tống, thụ được phép tâm-học của thiền-tôn, cho nên tâm-thần kiên-nhẫn lạ thường, khi ông ấy đánh nhau với nước Kim ở đất Phù-ly, chết đến 30 vạn quân, mà lòng ông ấy không hề nao-động, hễ đặt mình xuống là tiếng ngáy ngủ như sấm. Vậy muốn có đức kiên-ahẫn, tất phải có tôn-giáo.

5 — Không có tôn-giáo, thì không có tinh-thần tinh-tiến, dũng-mãnh. Vì người nào đã biết tin-ngưỡng tôn-giáo, thì trong bụng hằng hái cổ gấung, cầu cho được trọn đạo, dẫu sự nguy-hiểm, sự khổ-hạnh, cũng coi như thường, cho nên nhiều người có cái cau-đám vì đạo-giáo mà chịu chết. Xem thế, thì tôn-giáo có thể cảm-hóa cho người ta mất hẳn cái tính uhu-nhược đi.

Cứ như 5 lẽ lời nói trên này, thì tôn-giáo cần cho người đời tất phải có; mà tôn-giáo, thì tôi tưởng nên tôn Phật-giáo.

*
*
*

Hãy tôi nói đoạn giữa: vì lẽ gì mà tôn-giáo nên tôn Phật-giác? Vì có 2 lẽ kể sau này:

1. — Phật-giáo có đủ cả tinh-thần tự-do, bình-dẳng, bác-

ái, và cách-trí, vệ-sinh; lại giúp ngấm về việc trị-an trong thiên-hạ, thực là có lợi ích cho đời người.

— Thế nào là Phật-giáo có linh-thần tự do ?

Phật-giáo giẫy người ta giác-ngộ, nghĩa là học thì biết tỉnh-ngộ ra, chứ không ép buộc người ta phải mê-tin, thế chả phải tự do là gì ? Kinh Phật có câu rằng : « Bàng Phật giả Phật bất nộ, miễn tông Phật giả, Phật nộ ». Nghĩa là : nếu ai miễn-cưỡng theo đạo Phật, không thực lòng, thì Phật mới giận ; còn người nào bài-bác đạo Phật, thì Phật không giận. Xem thế, thì Phật-giáo có cái tinh-thần đề cho người ta được tư-tưởng ngôn-luận tự-do.

Đến như những việc nam-nữ, việc ẩm-thực, Phật-giáo cũng đều đề cho người ta tự-do, chứ không bắt-buộc ai cũng phải xuất-gia tu-hành cả, nếu ở nhà mà chân tu, cũng có thể thành Phật được. Như trong bài Hộ-pháp-luận, chép chuyện ông Phó đại-Sĩ, ông Bàng Đạo-Nguyên, đều có vợ có con, mà cũng đều tu được bậc hồ-tát tại-gia ; ấy là Phật-giáo đề cho người ta được tự-do phương-tiện mà tu đạo. Lại như tin-dỗ nhà Phật hỏi rằng : « Giết con dê có được không » ? Đức Nguyên-Khue Đại-sư giả nhời rằng : « Sát thì giải-thoát, bắt sát thì từ-bi ». Nghĩa là : nếu anh giết nó, là giải-thoát cho nó sang kiếp khác ; nếu anh không giết nó là anh có lòng từ-bi thương loài vật. Ông Lý Lâm-Phủ hỏi : « Thịt có nên ăn không » ? Đức Đại-giác Thuyền-sư giả nhời rằng : « Thực thị tướng-công dịch lộc, bất thực thị tướng công dịch phúc ». Nghĩa là : ăn thịt là lộc của ngài, không ăn thịt là phúc của ngài. Ấy những sự ăn uống nhỏ-nhặt, cũng đều có ý nghĩa tự-do cả.

Lại bài Hộ-pháp-luận, chép chuyện vua Tống Văn-Đế hỏi đức Đạt-ma rằng : « Quả-nhân cần phải nuôi thân-thể cho mạnh khỏe, đề lo việc nước, không biết có giữ được phép ăn chay không ? » Đức Đạt-ma nói rằng : « Nếu ngài có đức chính hay cảm đến lòng trời, mưa gió thuận thời đề cho muôn dân và các giống vật đều được yên vui mà sống, thế tức là ngài không sát hại nhân-dân và muôn vật ; tri-trai như thế mới là đắc đạo, chứ có cần gì bớt đi một bữa ăn, tha sống sót một con chim, là sự tri-trai nhỏ mọn ».

Xem truyện này, đủ hiểu rằng : Phật-giáo không hề cưỡng-bách người ta sự gì, tức là tinh-thần tự do đấy.

Không những như thế mà thôi, Phật lại còn dạy chúng-sinh tu luyện cái tính cách tự-lập không cần phải nương-dựa ở sức ngoài cứu-độ cho. Thuyết nhân-quả của Phật nói rằng : « Tạo-nhân lành thì được quả tốt, tạo-nhân ác thì được quả xấu, đều tự mình làm ra. Tuy ta đem pháp-luật độ chúng-sinh, nhưng sự thực thì chúng-sinh tự độ lấy. Ấy là Phật dạy bảo cho ta bỏ hết cái tính cách nô-lệ, tự-độ lấy mình, chứ đừng ý lại ở người, tự-do như thế mới là cực điểm.

— Thế nào là Phật-giáo có tinh-thần bình-dẳng? — Đức Thế-Tôn khi mới thành chính-giác, có nói rằng : « Nhất-thiết chúng-sinh, cụ hữu Như-lai tri-tuệ, đức-tướng ». Nghĩa là : Những chúng-sinh đều có tri-tuệ đức-tướng như Phật Như-lai, không khác gì. Ngài lại nói rằng : « Chúng-sinh giai hữu bản-lai tính khả thành Phật, chúng-sinh bất thành Phật, ngã thế bất thành Phật ». Nghĩa là : chúng-sinh đều có cái tính lương-thiện của trời cho, thành Phật được cả, nếu chúng-sinh không thành được Phật, thì ta thế cũng không thành Phật. Đến lúc ngài vào nát-bàn, ngài nói rằng : « Ta là Phật đã thành, chúng-sinh là Phật sẽ thành ». Tức là Phật-giáo có cái quan-niệm coi người đời cũng bình-dẳng như Phật.

— Thế nào là Phật-giáo có tinh-thần bác-ái? Đạo Phật từ, bi, hỷ, xả khuyên chúng-sinh yêu người đời như yêu mình. Trong sách Phật có chép rằng : « Phật-dồ vấn ư Phật viết : « Thù nhập địa-ngục ? » Phật viết : « Ngã nhập địa-ngục, bất duy nhập địa-ngục giả, nhi-thả thường trụ địa-ngục, bất duy trụ địa-ngục giả, nhi-thả thường lạc địa-ngục, ngã nhập địa-ngục, trang nghiệm địa-ngục ». Nghĩa là : Tin-dồ nhà Phật hỏi rằng : « Ái vào địa-ngục ? » Phật trả lời rằng : « Ta vào địa-ngục, không những vào địa-ngục, mà lại phải ở luôn trong địa-ngục, không những ở luôn trong địa-ngục, mà lại lấy địa-ngục làm nơi vui thú nữa, ta vào địa-ngục để cho địa-ngục hóa ra nơi lộng-lẫy tôn-nghiêm. » Ấy là đức Phật muốn ở gần kẻ có tội, cũng như học

không mọc ở nơi ruộng đất cao-ráo, mà lại mọc ở dưới bùn-lầy, để ở luôn bên cạnh chúng-sinh, mà cảm-hóa cho mọi người, đều thành phật-linh cả.

Lại như đức Quan-thế-âm Bồ-Tát phát-thệ rằng : « Hễ ở trần gian mà còn có cái khổ, thì dầu phải tội đến mấy muôn kiếp nữa, ta cũng ở lại, để cứu độ cho chúng-sinh, bất kỳ ở đâu có con sâu con kiến phải khổ là có ta ở đó, chứ ta không vào nát-bán thành Phật vôi. » Xem thế thì đạo Phật có lòng bác ái loài người và loài vật, biết là chừng nào !

Thế nào là Phật-giáo có cách tri ? — Trong kinh Hoa-nghiêm có những câu : « Tiên-thiên thế-giới, trung-thiên thế-giới và đại-thiên thế-giới, tam thiên thế-giới » Nghĩa là Phật nói : trong thiên-hạ có mấy mươi nghìn thế-giới. Bây giờ những nhà cách-trí, nhà thiên-văn ở bên Âu-Mỹ, đều công nhận rằng : Mỗi một ngôi sao là một thế-giới. Cho nên họ đều phục đức Thích-Ca là bậc tiên-giác. Có đức thần-thông sáng suốt.

Thế nào là Phật-giáo có vệ-sinh ? Vì rằng : Sự ham mê tửu sắc, có hại cho vệ-sinh ; mà người ta sinh ra ở đời, ai là không có tình-dục về sự trai-gái và ai là chẳng muốn ăn của ngon, uống mùi lạ. Đức Huyền-quang là Trúc-làm đệ tam tổ, có câu thơ rằng : Thế-gian tam sự nan trừ liêu, hảo tửu phi-dương nộn nữ-nhi. Nghĩa là : Thế-gian ba việc khó chữa : rượu nồng, dè béo, gái vừa dương xuân. Bởi thế, mà đức Phật dạy chúng-sinh không nên giết sinh vật để ăn sướng miệng, không nên dâm dục, và không nên uống rượu say nữa. Vậy nếu ai tri-giới được như thế, thì không có bệnh tửu sắc, đã không có bệnh tửu sắc, thì thân-thể được mạnh khỏe, còn vệ-sinh nào bằng !

Thế nào là Phật-giáo giúp ngấm cho việc trị-an trong thiên-hạ ? — Ông Liễu Tôn-nguyên có câu nói rằng : « Phật pháp âm rực vương-dộ : » Nghĩa là phép Phật giúp ngấm cho pháp-luật nhà vua. Bởi vì triều-đình đặt ra Pháp-luật để răn bảo người đời, như là : Giết người thì phải tội thế này, dâm, đạo thì phải tội thế kia ; nhưng mà hoặc có kẻ hung bạo, pháp-luật cũng không đủ làm cho họ

biết sợ ; và hoặc có kẻ phạm tội, mà nhà chuyên-trách không tra xét ra mau mối, thì kẻ ấy lại may được ở ngoài lưới Pháp-luật. Chứ đến như Phật pháp nói những thuyết địa-ngục khổ-sở gồm-ghe, thì kẻ phạm tội nghe những thuyết ấy, tất cũng phải tự nghĩ rằng những tội ác của mình, may che được mắt các nhà chuyên-trách ở dương gian, nhưng không thể che được mắt Giới Phật. Vay nếu ai nấy đều tin-ngưỡng Phật-giáo, thì hẳn không dám làm điều tội ác ; mà kẻ trót đã phạm tội, chắc cũng sợ hãi mà chừa đi. Nếu chúng sinh biết vâng theo đạo Phật, không gian dâm, không trộm cướp, đều là hạng lương thiện làm ăn, thì thiên-hạ hẳn được thái-bình. Thế đủ hiểu rằng : Phật-giáo giúp ngăn cho việc trị-an trong thiên-hạ, công đức thực là vô lượng !

Nói tóm lại, Phật-giáo rất hợp với luân lý đạo đức của đời văn minh, thực có ích-lợi cho đời người. Bởi thế, nên tôn Phật-giáo.

2) Phật-giáo chính là tôn-giáo của cõi Á-đông, và là tôn-giáo của nước Nam ta. Nhất là tỉnh Nam này, là nơi đạo gốc về đạo Phật ở đời Lý, Trần, vì thế ta nên tôn Phật-giáo.

Cõi Á-đông ta, sinh ra được ba đứng đại thánh nhân, lập thành ba đạo-giáo, một là đức Khổng-Tử lập ra Nho-giáo; hai là đức Thích-Ca lập ra Phật-giáo, ba là đức Lão-lử lập ra Lão-giáo. Người Á-đông ta có thể tự-hào rằng : trong châu Á có nhiều bậc thánh-triết, khí-thiên chung-đức, hơn cả 5 châu.

Châu Á ta có 3 giáo lớn như thế, lý-ưng ta nên theo cả là phải, có sao tôi lại nói rằng : tôn giáo thì nên tôn Phật-giáo.

Trước hết tôi hãy xin nói về Nho-giáo, đức Khổng-Tử dạy người đời những thuyết luân-lý, đạo-đức và chính-trị, trong đối với gia đình, ngoài đối với xã-hội, chính là đạo chính-tâm, tu-thân, tề gia, trị-quốc, bình thiên-hạ. Bởi thế các sách Đông Tây đều nói rằng : « Đức Khổng-tử là nhà đại triết-học, nhà đại giáo-dục và nhà đại kinh-tế, chứ không phải là đứng giáo-chủ. Vả lại, tôn-giáo thì phải có

những thuyết thần-diệu xuất-thế, là những lễ thiêng-liêng huyền-diệu ra ngoài việc thế-gian, và phải có quy-thức riêng của nhà tôn-giáo, như là : giáo-giới, giáo-luật, giáo-hội, giáo-đường. Nào đọc kinh, nào khoa-cúng, nào áo làm lễ, nào gậy làm phép, nào bực hòa-thượng, nào chức thầy-cà, vãn vãn... như thế mới gọi là tôn-giáo. Mà đức Khổng-Tử thì không nói đến việc quý-thần, việc sống chết, và đạo-giáo của ngài, không có đặt ra quy-thức riêng gì cả, chỉ dạy người ta những việc thực-tế ở trên đời, cho nên giáo-lý của ngài, không phải là tôn-giáo.

Thế thì về đạo lập thân, xử thế, ta vẫn nên theo nho-giáo, mà về tôn-giáo thì nên theo Phật-giáo không phải là một việc mới lạ gì, xem như trong nước ta, làng nào cũng có vãn-từ thờ đức Khổng-Tử, ấy là biểu-hiệu tôn sùng Nho-giáo, và làng nào cũng có chùa thờ Phật, ấy là biểu-hiệu tín-ngưỡng Phật-giáo.

Còn như Lão-giáo, thì đời sau chia làm hai phái : một là đan-dỉnh-phái, là phép nấu thuốc, luyện-dan để nhẹ-nhàng thân-thể, tu đạo tu tiên ; hai là Phù-lục-phái, là phái làm các bùa phép, tức như môn phù-thủy bảy giờ. Đạo của ngài cũng dạy người ta làm điều lành, duy giáo-lý của ngài thiên về chủ-nghĩa thanh-tĩnh vô-vy, nghĩa là yên lặng không làm việc gì. Vả học-thuyết của ngài, thì hình như viên-vòng quá, như những câu : Nhất tử-sinh, tề thị phi, số cần vua vật, nghĩa là : sống chết cũng không khác gì, phải trái cũng chẳng làm gì, phạm muôn việc trong thiên-hạ đều đáng khinh thương vứt đi cả, chẳng qua như con chó mã làm bằng rơm mà thôi. Thế thì những người kiến-thức nông-nổi, không khỏi cho là hoang-đường. Lại như những câu nói rằng : « Sinh tắc Nghiêu, Thuấn, tử tắc hủ cốt, sinh tắc Kiệt, Trụ, tử tắc hủ cốt. » Nghĩa là : Lúc sống như vua Nghiêu, vua Thuấn là bậc đại-thánh nhân, thì chết cũng xương mục, mà lúc sống như chúa Kiệt, chúa Trụ, là người đại bạo ngược, thì chết cũng mục xương. Nếu chuyên tâm theo học thuyết ấy, e rằng sinh ra bệnh chán đời chăng ? Vả thì Lão-giáo nếu biết cả được cũng hay, đề trong bụng lúc nào cũng phóng-khoảng, coi những sự sang hèn sướng khổ là thường. Đến như Phật-giáo tuy là xuất thế chủ-

nghĩa là chủ-nghĩa ra ngoài đời cũng như Lão-giáo và lại ra ngoài vòng sinh-tử là ra ngoài cả giới nữa, nhưng mà vẫn có cái lạc-thế chủ-nghĩa, là chủ-nghĩa vui đời đề cửu đời. Bởi thế tôn-giáo thì nên chuyên chủ về Phật-giáo.

Vả lại Phật-giáo lại là tôn-giáo của nước Nam ta, tuy rằng tinh-thần đạo Phật chưa truyền-bá khắp cả quốc-dân, nhưng mà việc sùng Phật ở nước ta đã lâu đời rồi, như là: đời nhà Đinh thì phong đức Thuyền-sư Ngô châu-Lư làm Khuông-việt Thái-sư. Đời Tiền Lê thì phong đức Thuyền-sư Đỗ pháp-Thuận làm Quốc-sư, đề giao-thiệp với Sứ Tàu. Đời nhà Lý thời vua Thái-Tổ lúc còn nhỏ, học ông Tăng vạn-Hạnh, đến khi làm vua thời làm tám ngôi chùa ở thành Thăng-long, và sức cả các xã sửa sang các chùa, lại sai sứ sang nhà Tống bên Tàu xin kinh Tam-tạng. Rồi đến đời vua Thần-tôn, vua Cao-tôn thời đều mở khoa thi tam-giáo. Khi ấy có đức Thuyền-sư Viên-Thông đỗ Hoàng-giáp, và đức Nguyễn minh-Không tu đạo thần-thông ở chùa Keo, thuộc về huyện Giao-thủy tỉnh Nam này; đức Giác-Hải Thuyền-sư, cũng quê quán ở huyện ấy. Đời Trần thời vua Thái-tôn xuất-gia tu-đạo, có làm bộ kinh Khóa-hư; vua Nhân-tôn thời lập ra Trúc-lâm Học-phái, rồi ngài đặc đạo là tổ Trúc-lâm thứ nhất, đức Pháp-loa là tổ thứ hai, và đức Huyền-Quang đỗ trạng-nguyên cũng đi tu, là tổ thứ ba. Mà thang-ấp nhà Trần, thì chính ở xã Tức-mạc huyện Mỹ-lộc này. Ấy lĩnh Nam ta có cái địa-vị quan-trọng trong nền Phật-giáo về đời Lý, Trần như thế.

Vậy chúng ta là người Á-dông, người nước Nam, và là người tỉnh Nam, thì chúng ta nên theo tôn-giáo ở đất nước mẹ đẻ ta. Xin hỏi những bậc học-thức rộng-rãi, có công-nghận cho cái ý-kiến ấy là dich-dáng không?

(Còn nữa).



GIẢI NGHĨA CHỮ TUỆ Ở TRONG PHẬT HỌC

Những sự-vật ở trong thế-gian, không có cái gì là hữu thường, cũng không có cái gì là nhất định, hết thầy đều theo bốn cái công-lệ thành, trụ, hoại, không, (戒住壞空). nghĩa là có ra, rồi ở tạm đấy, rồi nát dần, rồi mất đi cũng như chưa có. Ví như đời người, sinh ra là thành, đang sống là trụ, già yếu dần dần đi là hoại, lúc thác gọi là không. Không những đời người, mà đến cả vạn vật ở trong lưỡng-gian, đến cả thiên-địa vũ-trụ, cũng không ra ngoài bốn cái công-lệ ấy. Bốn cái ấy luân truyền tuần-hoàn, như bánh xe quay mãi không nghỉ, sinh lại diệt, diệt lại sinh, sinh diệt mãi mãi, gọi là luân-hồi, Phật-giáo căn cứ vào chỗ này, mới lập nên một học thuyết bao quát rất rộng và siêu-việt rất cao vậy.

Theo như bốn cái công-lệ vừa nói trên, nếu cái gì ta cho là thường là định, chỉ là giả định tạm có ở một chỗ, một lúc. Nhưng người đời vẫn tưởng là thường định mãi mãi, là vì mấy cái lý-do này :

Đối với thời-gian, và không-gian, cái gì thấy được, biết được, nhận ra được, nghĩ ra được, ta cho là có, cái có ấy gọi là hiện-lượng (現量) vì cái hiện-lượng ấy, ta có sánh cái nọ với cái kia, cái này với cái khác, thế gọi là tỉ-lượng (比量). Lại vì cái tỉ-lượng ấy, ta mới phân biệt trắc đạc thế nào là hơn, thế nào là kém, thế nào thì ưa thích, thế nào thì chán ghét, hoặc theo bên nọ, thì bỏ bên kia, hoặc chuộng mặt này thì chê mặt nọ, thế gọi là phi-lượng (非量). Cái phi-lượng ấy chính là cái nguồn gốc của những sự sai lầm : Ta cho cái gì là thành thì ta không biết nó chỉ là tạm-trụ ; ta cho cái gì là trụ, thì ta không biết rồi nó hư hoại ; ta cho cái gì là hoại, thì ta không biết rồi nó hóa ra không, đã không thì còn kể gì là hoại nữa ; ta cho cái gì là không, thì không biết nó rồi lại hóa ra có, nghĩa là thành. Ta chỉ biết tìm kiếm cái thường, cái định ở trong hiện-lượng, cho nên những sự thấy, biết, nhận ra, nghĩ ra, chỉ

ho bo đồ về một bên, bó vào một chỗ, như người đứng núi này, không biết có núi khác, đi sông này không biết có sông khác, luân-quần ở trong hoàn-cảnh, vợ vẫn ở trong hiện-tượng, làm cho cái quan-niệm đối với nhân-thế, chật lẹp nóng nôi, đến nỗi những cách suy-trắc, những lý phân giải, càng tỉ mỉ vụn vặt, càng lúng túng bề bộn, xoay xở thì này, tháo gỡ thế khác, vẫn chưa tìm được đường quang lối phẳng để noi theo — mà lạ thay ! Khi đã vào sâu trong những chỗ sai lầm, thì ta lại càng mê muội hồ đồ, vẫn tự cho là mình tỉnh vậy.

Những sự sai lầm ấy, trong Phật-học gọi là hặc (惑), hoặc là mê hoặc, mờ lối mù lẫm, làm che lấp mất cái bản tâm trong sáng. Hoặc có hai thứ : một là kiến-hặc (見惑), hai là tư-hặc (思惑). Theo trong bộ Thiên-thai từ giáo tập nghi chú (天台四教集儀註), cất nghĩa như sau này : Tả kiến gọi là kiến-hặc, khi ý-căn (1) đối với pháp-trần, (2) phân biệt thế nào là thường, (có mãi) thế nào là đoạn, (mất hẳn) vì những sự suy tính do lường ấy làm cho ý-thức thiên lệch về một bên; vọng-tư là tư-hặc, khi ngũ-căn (3) đối với ngũ-trần, tham muốn thêm chuộng không bao giờ chán, làm cho mê muội mãi đi; hai thứ hặc ấy, gọi chung là kiến tư hoặc (見思惑). Nay bàn cho rõ nghĩa thêm ra, hoặc là bởi phi-lượng vừa nói trên. Theo thường tình của mọi người, ai chẳng có tính suy nghĩ, ai chẳng có lòng ưa muốn, vì như sống với chết, ai chẳng cho là sống với chết khác nhau, người cho sống là xung-xướng thì cầu sống, người cho chết là nghỉ-ngơi thì cầu chết; giàu đối với nghèo, sang đối với hèn, ai chẳng cho là giàu sang và hèn nghèo khác nhau, người giàu sang thì muốn giàu sang mãi, người nghèo hèn thì thêm ước cho được giàu sang; song đó chỉ là những cảnh tượng tương

(1) Căn là gốc rễ, căn có lục-căn 六根, nhơn, nhĩ, tị, thiết, thân, ý. Ý-căn là căn thứ sáu ở trong lục-căn.

(2) Trần là bụi ghét, gọi hết thầy cái gì bám dính ở ngoài, trần có lục-trần 六塵 : Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Pháp-trần là trần thứ sáu ở trong lục-trần.

(3) Ngũ-căn là : ngơn, nhĩ, tị, thiết, thân; ngũ-trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc.

đối, thuộc về những phần ngoài, gọi là ngoại vật hay là ngoại lai. Ta chỉ biết suy nghĩ tra mướn ở bề ngoài, rồi bị những cái ở ngoài làm cho những sự suy nghĩ chệnh lệch, những sự ước mướn can dỡ, để cái bản-tâm vốn im lặng hóa ra rung động, vốn ngay thẳng hóa ra nghiêng ngả, vốn trong sạch hóa ra vẩn đục, vốn sáng suốt hóa ra mờ tối, thế gọi là hoặc. Vậy hoặc là những cái ở ngoài đến cảm động ta, đến sờ đây ta, đến bó buộc ta, đến vùi lấp ta, làm cho khôn cũng như dại, thức cũng như ngủ, sáng cũng như lòa, tỉnh cũng như điếc, không thể nào nhìn nhận lại được cái bản-lai của ta, tức là chân-như, (真如) là cái tuyệt-đối ở trong những chỗ tương đối vậy. Vì hoặc, cho nên gọi là vô minh (無明) nghĩa là không sáng. Sự huy nghĩ, sự ước mướn của người ta đã thiên về mặt nào thì cứ theo ở mặt ấy, cầm đầu cầm cổ mà theo đuổi cho đến không bao giờ cùng, không khác gì người đánh bạc càng được càng muốn thêm, càng thua càng muốn gỡ; đúng như câu « đương cục giả mê »; cái mê ấy trừ khi có bước ra ngoài sông bạc thì mới mong có hồi tỉnh lại. Cái mê ấy tức là vô minh, muốn phá được cái vô minh thì phải ngộ, ngộ là hồi ngộ, là tỉnh ngộ, có ngộ thì mới giác, giác là hiểu thấu một cách rõ ràng thông suốt, từ đầu đến cuối, từ gốc đến ngọn, không có chỗ nào ngăn trở vướng mắc, mà muốn giác phải có tuệ, tuệ là trong suốt mà sáng tỏ, như ngọn đèn ngọn đuốc ở trong chỗ tối, như mặt trời mặt trăng soi vào chỗ nào cũng sáng tỏ, tức là nghĩa chữ Bát nhã ở trong Phật học, dịch tiếng phạn Brajña vậy.

Bộ thành-thực luận 成實論 bàn về tam tuệ : một là văn tuệ, 聞慧 nghĩa là nghe hiểu đạo lý, mà sinh trí tuệ; hai là tư tuệ, nghĩa là suy nghĩ đạo lý mà sinh trí tuệ; ba là tu tuệ, nghĩa là tu hành để mở thêm trí tuệ. Trí tuệ là *tri liễu nhất thiết pháp*, 知了一切法, nghĩa là hiểu biết hết thảy những sự lý. Đến bộ Bồ-tát anh lạc bản nghiệp kinh 菩薩瓔珞本業經 bàn về lục tuệ : văn tuệ, tư tuệ, tu tuệ, ba tư tuệ trên, cũng thế như trong bộ Thành thực luận, song lại thêm ba thứ tuệ nữa là vô tướng tuệ, 無相慧 chiếu tịch tuệ 照寂慧 và tịch chiếu tuệ. 寂照慧. Vô tướng tuệ là lấy trí tuệ mà rời bỏ được hết các pháp tướng như nhân-tướng ngã-tướng; chiếu-tịch tuệ là lấy trí tuệ mà soi hiểu được mọi lẽ

không tịch, không tịch là vô thường vô định ; tịch chiếu tuệ là khi đã hiểu suốt được mọi lẽ không tịch, thì trí tuệ viên mãn, trọn vẹn được cái thể chân-như, không cần đến sự mình chiếu nữa, thế gọi là tịch chiếu, nghĩa là sự mình chiếu cũng hình như là không tịch vậy. Cái lý thuyết bàn về chữ tuệ thật uyên thâm quá, rất là khó hiểu. Nay hãy theo trong bộ « Pháp giới thứ đệ » mà giải nghĩa, có phần dễ hiểu hơn. Bộ này nói về phương pháp nhập-đạo, cần phải có đủ ngũ lực : 五力 1^o) tín lực, cố sức mà tin theo trung-đạo là cái đạo làm thiện chánh ác, noi chính bổ tà, 2^o) tinh tiến lực, theo trung-đạo mà ra sức tu tiến không hề chể nải; 3^o) niệm lực, chuyên tâm chú ý, cố sức noi theo; 4^o) định lực, sức chấn định lấy tâm chí, đừng để cho ngoại vật làm chể hoặc, làm giao động; 5^o) tuệ lực, khi đã làm đủ được bốn điều trên, thì phải cố sức trừ nhất thiết tà vọng chấp, phá nhất thiết thiên kiến trí 除一切邪妄執破一切偏小智 nghĩa là trừ bỏ hết thầy những ý kiến tà vọng, phá tan hết thầy những trí đoán nhỏ hẹp, để cho tuệ-căn mở ra dần dần, thế gọi là tuệ lực. Theo thứ tự mà cần nghĩa, thì tin không phải là mê tín, tin là tin một cách chính-đáng, biết là phải mà theo; khi đã có tin-lực thì khó đến đâu cũng cố mà làm, cao đến đâu cũng cố mà theo, thế gọi là tinh-tiến-lực, song nếu tinh tiến mà không chuyên chú để cho vững chí bền giã, thì tinh tiến cũng mất công không, bởi thế mới cần có niệm-lực; song niệm-lực cũng chưa đủ, tâm chí người ta thường hay vị vật dục làm lay động, nếu không chấn định được thì niệm-lực cũng không vững bền, bởi thế phải cần có định-lực; khi đã có định-lực thì bản-tâm bởi tĩnh mà minh, bởi minh mà ngộ, thế là phải có đủ bốn điều trên mới có được tuệ-lực. Nghĩa là trừ bỏ được hai cái kiến tư hoặc và phá tan được cái vô-minh vậy. Theo trong Phật học tu đến chữ tuệ thì rất cao và rất khó. Song theo phương pháp mà noi lên có thứ tự, thì ai ai cũng có thể làm được. Tuy rằng căn khí (1) có khác nhau, thì sự giác ngộ dễ khó sớm muộn có khác nhau, song cái công-phu chứng-quả vẫn đều lấy tuệ làm mục-đích và cùng đến được cõi tuệ cả.

(1) Căn khí là nói về phần khí chất bẩm thụ, có từng bậc không giống như như bậc cao, bậc giữa, bậc thấp.

Phật học dạy người lấy ngũ giới (1) thập thiện (2) làm đầu để tiêu trừ những tội nghiệp của thân, khẩu, ý (3) cốt là để cho lục căn khỏi bị lục trần làm nhiễu loạn ; khi lục căn đã được bình-tĩnh thì cái bản-thể thanh-khiết của chân-tâm mới có thể giữ vững được, mà có thanh-khiết thì mới sinh trí-tuệ vậy. Ta nên biết rằng cái bản-thể thanh-khiết ai ai đều sẵn có cả, chỉ vì níu ở cảnh-vật ở ngoài làm mờ tối che lấp mất cái bản-thể ấy, ví như gương sáng có bụi, nước lặng có sóng, bụi ở ngoài đến làm mờ gương, sóng ở ngoài đến làm động nước, kỳ thực không phải là gương vốn có bụi, nước vốn có sóng vậy. Người ta chỉ nghiêng lệch số đo ở bề ngoài mà quên mất cái bản-thể ở trong, lấy ngay những việc rất tầm-thường mà nói như mừng, giận, vui, thương, yêu, ghét, ta cho là gốc ở lòng ta, song nếu không có những sự đáng mừng, đáng giận, đáng vui, đáng thương, đáng yêu, đáng ghét ở ngoài đến, thì ta làm gì có những tình cảm ấy, thế mà ta hay lấy ngoại cảnh làm nội tâm thì thật là mê muội quá lắm vậy. Nếu ta nhận ra những cái ở ngoài là không hữu thường, không nhất-định mà tìm cái thường cái định ở trong bản tâm bản tính của mình, thì cái tâm bất trước là thường định, cái tính bất nhiệm là thường định, *trước* nghĩa là cố chấp thiên lệch về một bên, *nhiệm* nghĩa là bị những sự tham dục nhuộm thấm vào, mà khi đã bất trước bất nhiệm tức là tuệ. Cái bản tâm bản tính của người vốn là thanh khiết, vì có chấp trước, tập-nhiệm, mà cái bản-lai sai lệch mờ tối đi. Cái bản tâm ấy là Phật-tâm, cái bản tính ấy là Phật-tính, nghĩa chữ Phật là *giác*, Phật vì giác cho nên gọi là Phật, chúng-sinh vì mê cho nên gọi là chúng sinh ; song cái bản tâm bản tính của chúng sinh, vốn cùng Phật không khác nhau, cái tuệ căn ai ai cũng có thể tu tập được.

BÙI KỶ

1) Ngũ giới là năm điều răn : giới sát, giới đạo, giới sắc, giới vọng ngữ, giới tửu.

(2) Thập thiện : bất sát, bất đạo, bất dâm, bất vọng ngôn, bất lưỡng-thiệt, bất ác khẩu, bất ý ngữ, bất tham, bất sân, bất si.

(3) sát đạo, dâm là thân nghiệp, vọng ngôn, lưỡng-thiệt ác khẩu, ý ngữ là khẩu nghiệp, tham, sân, si là ý nghiệp.

Truyện MA-ĐĂNG-GIÀ

Một hôm, ông Át-Nan, mình mặc áo Ca-sa, tay cầm bình bát ra ngoài thành xin ăn. Khi thụ trai rồi, một mình lững-thững đi trên bờ sông, gặp hôm giờ nắng chang chang, lúc miệng khát, tìm nước uống. May sao gặp một người con gái, gánh nước dưới bến lên, ông bèn rào chân bước mấy bước đến xin nước uống ; nàng bèn dừng lại, giữ đòn gánh để cho ông uống, ông uống xong dần dần nhẹ gót bước đi. Từ lúc nàng trông thấy ông Át-Nan, thời trong lòng hồi hộp mê say, hình như có cái mãnh-lực gì nó bước nàng, làm cho nàng hồn xiêu phách lạc thành ra như dại, như điên, đi theo ngay đến chỗ ông nghỉ, mới quảy gánh về. Vừa về đến nhà, đặt gánh nước xuống, vô cớ lăn ra khóc nức nở. Mẹ nàng hỏi tại sao con khóc ? — Nàng gạt nước mắt nói : « Mẹ ơi ! nếu mẹ có muốn gả chồng cho con thì chớ gả cho ai khác nữa. Hôm nay, con đi gánh nước ở bên bờ sông gặp một thầy Sa-môn đẹp lạ, mẹ ạ, thầy ấy yêu con lắm, thầy ấy xin nước của con ; con hỏi tên thì thầy ấy nói là Át-Nan. Nếu con có lấy được thầy ấy thì con mới lấy chồng, bằng không lấy được thầy ấy, thì con xin xuống đời ở vậy, không lấy ai cả. »

— Con sẽ yền lòng, việc là việc trăm năm, chớ không phải việc chốc lát, con chớ nên vội, để mẹ dò xét xem lai lịch của thầy ấy thế nào đã ». Sau khi đã dò xét kỹ càng, bà mẹ về báo con : « Nay con ơi ! ông Át-Nan đã làm người xuất-gia tu-đạo, là đệ-tử Phật rồi, Phật cấm không được lấy vợ, vậy mẹ chắc là ông ấy không lấy con đâu, con đừng mơ-tưởng nữa. »

— Mẹ ơi ! nếu thế thì con xin tuyệt thực, để chết đi cho xong đời. À mẹ này, mẹ biết phép người làm bùa mê, vậy mẹ nên làm cho con, để đủ thầy ấy đến có được không ?

— Được, thế để đợi lúc nào, thầy ấy đi khuyên giáo, thì ta cố mời vào nhà để cúng giàng, bấy giờ sẽ có cơ hành động.

Ông Át-Nan lòng ngay dạ thẳng, và xưa nay vẫn có tính bình-dẳng, đối với ai cũng vậy, không hề phân biệt, vì ông

vẫn thường thường thấy Phật mắng ông Ca-Điếp hay có tính phân biệt kẻ sang người hèn, nên nàng Ma-đăng-già thỉnh thì ông vui lòng đến ngay. Khi ông bước chân vào chốn tối tăm, mù mịt đó, nàng trông thấy trong lòng mình rõ cuồng quýt lại, như điên như cuồng, như người được của, nổi mừng không tả sao cho hết được. Mẹ nàng mời ông vào buồng khách, ngồi yên ổn rồi, nói với ông Át-Nan rằng :

« Thưa thầy, con gái tôi nó muốn cùng thầy trăm năm chẵn gối, xin thầy vui lòng cho con tôi hầu hạ thầy hôm mai, để cho tôi được yên lòng. »

— Không được, tôi đây đã rứt bỏ sự đời, xuất-gia tu đạo, giữ giới không lấy vợ, việc đó tôi không thể nhận lời được.

— Con tôi nó nhiệt tâm như thế, nếu nó không lấy được thầy thì nó xin tự tử.

— Đức Như-Lai là thầy tôi, cấm không được giao tiếp với con gái.

Mẹ vào bảo con rằng : « Ông Át-Nan giữ giới Phật cấm, nhất định không chịu làm chồng con.

Nàng Ma-đăng-già lúc đó, lửa dục nấu nung, quên hết liêm sỉ, bảo mẹ rằng : « Xin mẹ chớ lo, mẹ cứ khóa chốt cửa lại đừng để ông ấy đi, cứ để mặc con, đến tối hôm nay con có thể bắt ông ấy làm chồng con được ». Mẹ nghe con bèn sai người đóng cửa lại, rồi làm phép phù chú, lấy giấy chửi ông Át-Nan vào. Đến lúc mặt trời đã lặn. Người con gói trong lòng vui vẻ, nét mặt tươi cười hơn hở, hết sức điềm trung, trong lòng xạ ướp, phấn xấp đủ mùi, coi không khác chi thần tiên giáng thế. Lăn la đến chỗ ông Át-Nan, ngồi lễ tâu thỉnh ép ông phải làm lễ thành hôn. Ông Át-Nan cứ ngồi yên tĩnh, không hề loạn động. Trả lời một cách rất cả quyết rằng : « Dầu chết thì chết, chứ ta không nghe lời các người. » Mẹ Ma-đăng-già nữ xem ý khó chuyển lòng ông, lập lúc sai đốt một đống lửa rất lớn dựa sát, lúc lửa đang cháy, bà mẹ chạy vào cầm ông Át-Nan bảo rằng : « Nếu ông không làm cho con tôi toại nguyện, ông không lấy con tôi, thì tôi ném ngay ông vào đống lửa bây giờ ». Nhưng con lưng lưng, ông Át-Nan trong bụng nghĩ rằng : quyết không thể nào lại chịu sự cầu thả này, để làm như nhục cửa pháp; sống thân ta bây giờ biết làm thế nào, mà thoát khỏi tai nạn, ở trong hàng ma quỷ hiểm này; ông liền chấp tay

kêu đức Thích-ca Như-lai. Đức Như-lai đã biết là ông Át-Nan bị nạn, lập tức vận thần thông cứu cho ông hoàn toàn về chỗ Phật.

Nàng Ma-dăng-già thấy ông thoát thân rồi, báng khuáng suốt đêm tỉ tê khóc lóc, không lúc nào ngơi. Mẹ bảo con rằng: « Đạo pháp của đệ-tử Phật cao siêu như thế, đạo ta không còn phương pháp gì làm cho lòng sở nguyện của con được thành tựu nữa ». Sáng sớm hôm sau, người con gái thân hành đi tìm ông Át-Nan, may sao lại bắt gặp ông đang đi xin ăn ở đũa đường. Nàng theo ông đi, dènh dèng trước mắt ông, liếc mắt ngắm vuốt từ đầu đến chân ông, thật là một cái giáy tình oan nghiệt nó quấn quýt chung quanh mình ông, nó chẳng chịu buông tha. Bấy giờ ông tỏ ra vẻ thẹn hổ trăm chiều. Ngoảnh mặt đi, nhưng nàng cố níu lấy áo theo đi, không chịu rời tay ông Át-Nan. Về đến chốn Phật, nàng cũng theo về, cứ đứng chực ngoài cửa mãi không thấy ông ra nhưng nàng cố đợi; đợi mãi vẫn không thấy ông Át-Nan ra, trong lòng mỗi một, định giờ ra về, hai hàng giọt lệ chứa chan.

Ông Át-Nan bạch Phật rằng: « Lay đức Thế-tôn, nàng Ma-dăng-già-nữ theo con đến đây, nay lại về không thì trong lòng khổ não vô cùng, xin Phật mở lòng thương xót, khuyên giải cho nàng được hiểu đạo, cho thoát khỏi nẻo luân hồi, ra ngoài vòng tình ái. Phật liền cho người ra gọi nàng vào, Phật bèn hỏi rằng: người theo đuổi ông Át-Nan định để làm gì, mà cần quyên khổ sở như thế ?

— Lay đức Thế-tôn, con nghe nói ông Át-Nan không có vợ, mà con đây chưa có chồng, lòng con chỉ ao ước được ăn ở với ông Át-Nan thôi.

— Nay, ông Át-Nan là bậc Sa-môn, đầu đã cạo nhẵn, mà đầu người hầy con có tóc, vậy người có thể cạo ngay tóc đi thì ta cho phép ông Át-Nan chẵn gối cùng người.

— Con xin cạo ạ.

— Người hầy về hỏi qua mọi người thân thuộc đã, và cáo đầu đi rồi sẽ lại đây.

Nàng nghe xong vội vàng hờn hờ về thưa với mẹ rằng: « Mẹ ơi, này mẹ ơi, có công mài sắt có ngày nên kim, mẹ không làm thế nào cho con lấy được ông Át-Nan, thế mà

nay con chịu gia công khó nhọc theo ông mãi về chỗ Phật. Phật đã bằng lòng gả ông ấy cho con rồi, chỉ hiềm vì các thầy sa-môn không có tóc, con nay hãy còn có tóc. Phật bảo hãy con bỏ tóc đi, thì Phật sẽ đứng chủ trương kết hôn cho, vậy con xin phép mẹ, con cạo đầu đi, để con về nhà chồng !

— Con là con gái yếu của mẹ, mà cái răng cái tóc là góc con người, con nên để tóc làm chỗ tiêu biểu cái đẹp của người con gái, con chớ hủ đi; con nên biết rằng ở trong nước này có thiếu chi con nhà hào phú, giai-nhân quán-lữ, tuấn-tú thông-minh, mẹ lại không chọn cho con được một người vừa đôi xứng lứa hay suơ, mà con lại phải vờ quàng vờ xiên như thế ?

— Đứng ! đứng ! xin mẹ chớ nói thế, dầu chết thì thôi, chứ thế nào con cũng lấy ông Át-Nan làm chồng con.

— Con làm chi thế để nhục cho nội giống nhà ta ?

— Mẹ có lòng thương con, mẹ có lòng yêu con, xin mẹ cho con được theo ý muốn của con.

Mẹ nàng không biết làm thế nào, cấm nàng không nổi, bắt buộc đi phải cầm dao cạo đầu cho con, ruột đau như cắt. Nàng cạo đầu rồi hơn hờ vội vàng đến ngay chỗ Phật, xin làm vợ ông Át-Nan. Đức Như-Lai liền hỏi rằng : « Người yêu ông Át-Nan về nỗi gì ? yêu cái gì ?

Con yêu hai con mắt thành lín của ông, cái mũi ngay thẳng của ông, cái miệng tươi cười của ông, hai cái tai to lớn của ông được hơn người ; không những thế, con lại còn yêu tiếng nói của ông hòa nhã dịu dàng, và đi đứng khoan thai của ông nữa kia, con chắc trăm nghìn người cũng không ai được như ông.

— Đức Như-Lai liền khuyên hóa rằng : này, ở trong mắt có nước mắt, ở trong mũi có mũi chảy ra, ở trong miệng có đờm, ở trong tai có cái ghét, ở trong mình có biết bao nhiêu phần dãi cùng là máu mủ, hơi thối, nói tóm lại trong thân toàn là đồ bất tịnh cả, chẳng qua chỉ là một cái túi da các đồ bẩn thỉu đó thôi thế mà hãy có vợ có chồng, ăn ở với nhau thì có thai ; có thai là có con cái ; đã có con cái là có sự khổ sở ; đã mang lấy sự khổ vào, thì xác thân ngày một hao mòn sinh ra chứng nợ lại kia, từ đó cái chết nó cứ theo quanh bên mình, nó cứ rình chực bên mình, cảnh vui chưa yên mà đã bước ngay sang cảnh khổ. Xét như thế

thì cái thân giả dối này, có chỗ nào là sướng, là vui, là đẹp đẽ đâu? Như thế thì cái thân này còn hông chi nữa, mà yểu mà thương tiếc!

Nàng Ma-dăng-già từ trước đến giờ bị ngọn lửa dâm dục nó đốt cháy tâm can, làm cho thân hình điên đảo, thần hồn bối rối, chợt nghe được lời chính pháp, tự nhiên lửa tạt do tan, trong lòng trong sạch, thân thể nhẹ nhàng liền ngồi suy nghĩ: «Ồi! cái xác thân này, thật là một cái da bọc biết bao nhiêu đồ bẩn thỉu tanh hôi, như thế thì có cái gì là người, là ta, là gái, là gái nữa, còn gì là ân ái nữa mà quyến luyến, như thế mà từ xưa đến nay ta vẫn bị các cõi ác duyên kia nó ràng buộc, nó làm cho ta khổ sở, biết bao đời cứ phải vòng quanh mãi trong sáu đường không lúc nào ngơi.»

Bấy giờ, nàng đã phá tan được cái tà-niệm rồi, toàn thân đều là chính-niệm, chững ngay được bậc A-la Hán. Đức Như Lai đã biết được nàng chững được ngôi «chính giác» rồi mới bảo nàng rõ được chân-tính, bỏ tà về chính, vượt cõi phàm mà vào cõi thánh, bèn bảo rằng: Nay ta cho người đến với ông Át-Nan, vậy người đừng giây đi ngay đi.

Nàng nghe ra chiều bèn lên, cúi đầu xuống trước Phật bạch rằng: «Lạy đức Thế-lón, từ trước đến giờ con thật là kẻ ngu si, nên cứ theo đuổi ông Át-Nan đến đây, nay nhờ Phật giáo hóa cho, lòng con đã tỉnh ngộ, như người đi đêm gặp được bó đuốc sáng, kẻ mù gặp được người dắt, như người già vô được gậy, như kẻ cõi thuyền mục may đã được bến bờ, con đã tỉnh ngộ, không phải ngu si như trước nữa.»

Ai ai mục kích truyện nàng cũng đều lấy làm ngạc nhiên cả. Bấy giờ các Tỳ-khiêu bạch Phật rằng: Nàng Ma-dăng-già-nữ làm phép ngoại-đạo, tội nghiệp thêm trọng, ai ai cũng đều ghét bỏ, vậy bây giờ người con gái này lấy có gì mà chững được đạo A-la Hán.

— Nàng Ma-dăng-già-nữ đời quá khứ đã năm trăm đời làm vợ ông Át-Nan, trong năm trăm đời ấy vợ chồng đều yêu mến nhau.

Ngày nay cơ duyên đã được thành thực nên cùng được ở trong đạo của ta lại được đều đắc đạo, vợ chồng đời trước nay hóa làm anh em.

CHUNG

Bàn về nghĩa vô-ngã

Người đời nếu biết xét cái thân này không phải là ta, thì cái gì cũng đều không có nữa, vì cái thân-kiến đã không sinh thì hết thảy những vọng-tướng chấp-ngã (cố chấp có cái ta) còn do đâu mà có; cái vọng-tướng phân biệt đã không sinh, thì hết thảy muốn hình nghìn sắc đều nhất thiết vắng không; đã nhất thiết vắng không thì còn đâu có sự cạnh-tranh xâm đoạt, mình hơn người kém, khỏe ăn cướp yếu, nhưn bắt nạt nhỏ nữa; cả đến sự ưa muốn, giận giữ, được mất, khen chê đều không do đâu mà có nữa; cũng ví như trong nhà đã không chứa đồ vật gì thì cửa ngõ cũng không cần đóng khóa, mà trộm cướp cũng hết phương ròm ngó, thế mới gọi là cái cảnh-giới vô-ngã, Song muốn đánh đổ cái ngã mà đạt tới cái cảnh-giới vô-ngã không phải là dễ. Người đời vẫn cố chấp có cái ta, nhận rằng thân ấy là ta, thế tức là lầm chấp cái tứ-đại giả hợp làm ta; nhận rằng tâm ấy là ta, thế tức là lầm chấp cái lục-trần duyên-ảnh làm ta; rất nói chấp rằng muôn vật thụ-dụng đều thực là của ta, con cái cũng thực là của ta, vàng ngọc nhà cửa sản-nghiệp hết thảy cái gì cũng thực là của ta cả, nhất cử nhất động đều không dám lìa cái ta ra, bàn nói câu gì đều nhắc đến cái tiếng ta. Có mấy người biết rằng: cái thân tứ-đại giả hợp này là do cái nhân-duyên hội hợp không có mà có, có mà không có, như bóng trong gương, như trăng dưới nước, như bọt bèo, như chiêm bao; vả chẳng sự vô-thường nó không có hẹn ai trước, rầy có mai không; cái thân này chẳng qua là cái gốc mọc ra mọi sự khổ não, cái túi đựng mọi thứ dơ bẩn, cái rìeng chứa muôn đều tội ác, chứ có cái gì là ta thực đâu; trên hội Lăng-nghiêm, Phật-quô ngài Át-nan rằng: « cái ấy không phải là tâm ông, nó là cái tiền trần hư vọng nó che lấp mất cái chân-tâm ông đấy. » Xem thế đủ biết phạm những cái ta mà hàng ngày chúng ta thường nhận đấy có phải là cái ta chân thật đâu, con cái họ hàng cũng đều là nhân-duyên thấu

hợp, nhân duyên khi đã hết, kể góc bể người bên trời, âm dương đôi ngã, còn có gì là của ta nữa đâu ; cả đến vàng bạc kết thầy mọi đồ đều là những vật dụng ngoài thân, sao lại nhận là của ta được. Thế mà người đời lầm lẫn không hiểu, cứ cố chấp lấy làm của ta, cướp lấy, dành lấy, mong lấy, cầu lấy, vớ được thời mừng, mất đi thời dạn ; dành đây, cầu đây, mừng đây, dạn đây, đều là cái trò dối ở trong chiêm bao. Trong kinh nói rằng : Chúng-sinh vì vô-minh không biết, cứ mê chấp cái giả dối làm ta. Phạm hạnh chưa phá được màn vô-minh, thời chưa sao khỏi có điều mê chấp ấy được. Trong đại tạng giáo của đức Như-lai tuy rằng rộng lớn không cùng, song xét đến chỗ cốt yếu thời chỉ chủ dạy người ta bỏ cái mê-chấp hữu-ngã mà đặt tới cái cảnh giới Vô-ngã đó thôi. Trong kinh Kim-cương nói rằng : không có tướng người, không có tướng ta. Song gọi là vô-ngã, là không phải tuyệt nhiên không biết gì nữa như loài thảo mộc vô tri đâu, tức là cái tâm linh giác không chấp trước vào một hoàn cảnh nào, cái gì cũng là ta mà cái gì cũng không phải là ta, để dung-hội được tám pháp đại tự-tại vô-ngã. Chư Phật chứng cái cảnh giới vô-ngã ấy cho nên xuất ngày cứu-độ chúng sinh mà thực ra không có chúng sinh nào cả. Bồ-tát tu cái cảnh-giới vô-ngã ấy, cho nên niệm niệm tu chứng mà thực ra không tu không chứng. Bậc nhị-thừa chưa chứng được cái cảnh-giới vô-ngã ấy, cho nên đóng khóa mắt cửa Sát-bàn, mà cứ mê man ở thành L 30-sở. Chúng-sinh mê mất cái bản tính vô-ngã ấy cho nên chìm đắm trong bể khổ, trôi dạt ở sông mê, nói lóm lại, các bậc mà được chứng quả bất sinh bất diệt tự-tại tiêu-đạo là do đã đạt tới cái cảnh-giới vô-ngã. Còn những kẻ mà còn ham mê điền-đào nhiều kiếp luân hồi là do mê mất cái cảnh-giới vô-ngã vậy.

THÁI-HÒA

Bát đại tự tại vô ngã (tám cách vô ngã tự tại, 1) hay thị một thân làm nhiều thân ; 2) hay biến một hạt bụi khắp cả thế giới ; 3) thân hay đi khắp mọi chốn ; 4) hiện ra muôn loài mà thường ở một chỗ ; 5) chư căn hỗ dụng được, ví dụ như con mắt đem nghe, lỗ tai đem trông vân vân ; 6) ngộ được mọi pháp mà vẫn không có pháp nào ; 7) nói một bài kệ mà lưu truyền muôn kiếp ; 8) mình khắp cả hư không mọi chốn (kinh Sát-bàn 23).

PHẬT-HỌC DANH-TỪ

- A-hàm** 阿含 (Tiếng Phạm: Agama). Tên gọi tóm cả các kinh Tiểu-thừa, nghĩa là không còn phép gì hay bằng.
- Bồ-tát** 菩薩, **Bồ-àề tát đỏa** 菩提薩埵. (Tiếng phạm: Bodhisattva). Tên hiệu một ngôi Thành dưới ngôi Phật. « Bồ-đề » là giác, « tát đỏa » là giống hữu tình, nghĩa là dạy dỗ, khuyến hóa mọi giống hữu tình.
- Chính-pháp** 正法 = Phật-pháp đang thời đại thịnh-vượng, tức là lúc Phật đang sinh thời.
- Nát-bàn** 涅槃 (Tiếng Phạm: Nirvāna) = Diệt-dò, tịch-diệt, không sinh ra đời nữa, yên vui, giải-thoát. Một chốn tuyệt-dịch của đạo Phật.
- Phật-tính** 佛性 = Tính chân-như của Phật bình-dẳng với chúng-sinh.
- Tâm ấn** 心印 = Lòng in lòng, lòng hiểu lòng. Tâm là Phật-tâm, sự truyền đạo không ở văn-tự mà ở tâm-ấn tự hiểu.
- Tượng-pháp** 像法 = Phật-pháp về thời đại cách đời Phật còn gần, còn giữ được giống như chính-pháp, không như đời mạt-pháp suy kém sai lầm.
- Tu-hành** 修行 = Sửa mình làm việc đạo, tu-tiến hành-tri.
- Thập-phương** 十方 = Phật nói vũ-trụ có mười phương, phương nào cũng có nhiều thế-giới chúng-sinh và chư Phật.
- Thiện-tín** 善信 = Tức là thiện-nam 善男, tín-nữ 信女. Thiện-nam, tiếng phạm là Ưu-bà-tắc, tín-nữ, tiếng phạm là Ưu-bà-gi, hai hạng tín-dồ tại-gia.
- Tùy-hỉ** 隨喜 = Xin thuận theo.
- Trầm-luân** 沉淪 = Trìm-dắm, bị mọi sự khổ ở đời nó vùi lấp đi cũng như bị trìm đắm vào trong bể lớn.
- Văn-cảnh** 輓景 = Thăm viếng cảnh chùa.
- Xuất-gia** 出家 = Bỏ nhà đi ở chùa tu đạo.
- Xuất-thế** 出世 = Ra đời, sinh ra đời, xuất hiện ra đời.
- Xuất thế-gian** 出世間 = Vượt ra ngoài mọi sự lý ở thế-gian nay, gọi là xuất thế-gian, như những phép nát-bàn là xuất thế-gian, từ là thế-gian, những phép nát-bàn là xuất thế-gian. Thường thấy nói « đạo xuất-thế » tức là đạo xuất thế gian mà nói tắt, khác với nghĩa xuất-thế là xuất-hiện ra đời ở trên kia.

ÔM CỘT ĐÔNG, UÔNG NƯỚC SẮT

Bầu giờ đen kịt, hạt mưa đông buốt lạnh, thỉnh thoảng đưa một cơn gió bắc ào ào.

Trong gian nhà tường ẩm khói, ông Ấm Tư nằm trên chiếc giường Đồng-Kông cũ, chân giải đã tâu tâu. Hai mắt sấu hoắm, da xanh nhợt, chân tay như cẳng gà, Tư ôm chặt lấy chiếc gối sếp bọc gấm nhạt màu, mồm thổ hồng hộc như con lợn sấp chộc tiết.

Vợ Tư ngồi bên cạnh, không lúc nào rời tay quạt. Bỗng Tư rú lên bằng một thứ tiếng khàn khàn u-ú nghe rợn người : « Ai đặt tôi lên chiếc đệm sắt chông gai này. Tôi đau lưng lắm, giờ ơi ! Kia ai lại thổi lửa vào mặt tôi nữa. Thế này thì chết bồng mất ! nước uống đây, nước uống đây. »

Vợ Tư vội đưa cho chồng một ấm nước nhỏ, nhưng vừa ngậm vội ấm vào môi. Tư đã hắt ra : « Nước sắt sôi, tôi uống làm sao được. » Rồi lại hắt cả gối ra : « Cho tôi cái gì man mát, chứ bắt tôi ôm cái gì nóng rát thế này thì sống thế nào được ? »

Vợ Tư nhăn mặt, đưa bình nước về mẹ ông Lang :
— « Cụ tính nước lạnh buốt thế này mà cứ kêu nóng. »

Ông Lang từ nãy đến giờ ngồi không nói gì, chỉ nhìn ngọn đèn dầu tây tuy to nhưng chấp chờn không chịu sức gió lùa. Thấy ông Lang chưa giả nhời, nâng lại nói tiếp : « Tôi thì cho nhà tôi là bệnh ma làm ».

Ông Lang lắc đầu :

— Ông ấm đây trác táng đã nhiều.

— Vâng, nhất là hồi mười năm về trước, thầy tôi còn tại chức, nhà tôi thật là con ma sặc dục. Chẳng từ vợ con ai.

— Thế thì tinh thần phải hao lòn, sức lực phải suy nhược. Thận bại thì chân thủy kém. Chân thủy kém thì hư

hỏa bốc lên. Phế thuộc kim, mà hỏa khắc kim, nên hơi thổ nóng hơi hồi. Nước uống tuy lạnh, nhưng không chế nổi được sức nóng kia, mà tưởng là nước sôi.

— Thưa cụ, còn kể gì cứu được không?

— Muộn lắm ! phàm muốn tránh căn bệnh này phải đi giữ ấm thân từ trước. Nay bệnh-nhân bắt quạt nhiều thế kia thì cơn nguy đến nơi rồi. »

Ông Lang đứng giậy ra. Con mèo sấm nhảy qua mâm cơm để đã nguội lạnh, chạm cái núm lồng bàn, bát đĩa rơi loảng soảng. Ấm Tư mở choàng mắt : « Kia quỷ nó đã đến. Mắt nó xanh như phấm, mồm nó đỏ như tiết, lưỡi nó thê-lê, giò ới, nó đây ! »

Vợ Tư lấy tay che vào mắt chồng, hai hàng nước mắt nằng lã chã trên gò má.

ÔNG THIÊN

Bài phú chân-hưng Phật-giáo

Lấy bốn chữ đầu đề « Chấn-hưng Phật-giáo »
để làm văn cho bài phú này

Ngồi nghĩ người mình, ngâm cơ mạnh vận,
Phong tục suy đồi, lòng người vợ-vần,
Đương lúc tranh tối, tranh sáng, trong óc mơ màng,
Phần nhiều dở dại dở khôn, theo đường lầm lẫn,
Sách Khổng Mạnh thức chi cao các (1) lũng bỏ một hư,
Của Trinh Chu dành để trần vu (2) nào ai giáo-huấn,
Cha không biết đạo cha, con không biết đạo con, chồng
không biết đạo chồng, vợ không biết đạo vợ. Luận lý
lấy gì duy tri ;
Sĩ chỉ quen nghề sĩ, nông chỉ quen nghề nông, công chỉ
quen nghề công, thương chỉ quen nghề thương. Tinh
thần nhờ đâu phần chấn.

(1) Thức chi cao các : Bỏ lại mà cứ lên tầng gác cao, nghĩa bóng là không dùng đến nữa.

(2) Trần vu : Cỏ gai mọc rậm, nghĩa bóng là bỏ hoang phế.

Nghĩ đến nhân-tình thế-thời, tưởng cũng thương tâm ;
Nhìn qua xã-hội nhân-quần, bỏ quên sao nhân.
Nhưng mà, muốn vượt sông mê, phải nhờ bảo-phiệt (1),
Muốn khai đường giác, phải có kim thăng (2),
Muốn bồi-thực nhân-tâm được vài phần nào gọi là có ích,
thì lý thuyết Phật-giáo là một bài thuốc không gì hay
bằng.

Tiểu thay, lâu nay Phật-Pháp, phó mặc thuyền dăng,
Trên không tin ngưỡng, dưới cũng đứng đưng,
Xét ra cho kỹ, thực chỉ vì chung ;
Kinh kệ không ai diển giảng, giới luật nào có dãi dăng.
Theo Phật mà không biết tôn chỉ đạo Phật,
Qui tưng mà không theo giới-luật chư tăng,
Khiến cho mấy nghìn năm Phật-Pháp nhiệm màu, tối như
đêm dầy như đất.

Nay muốn khắp thập phương quang minh phủ chiếu, sáng
hơn đèn tổ hơn giảng.

Vậy thì Phật-giáo cần phải chấn hưng.
Cửa thuyền giống giả, Hội-quần tưng bằng,
Khắp nơi khua mõ, rung chuông, công đức nổi hai đời
Trần Lý (3).

Mọi chỗ giảng kinh thuyết pháp trí tuệ theo Lục Tổ Huệ
Năng (4).

Phật tức là tâm, tâm tức là Phật,
Tuệ-nhơn là gương, Phật-tâm là luật,
Muốn học phép mẫu, phải chính tâm thuật.

(1) Bảo phiệt : Bè qui báu, nghĩa bóng là đạo chính giáo của Phật lĩnh thừc cho người khỏi mê, cũng như cái bè đưc người qua cơn sóng gió.

(2) Kim thăng : Giày thừng bằng vàng, nghĩa bóng là đạo pháp của Phật giàng bước lòng người đều như cái thừng bằng loại kim, Truyện Thị-kính : « Xích thăng đã ải, kim thăng hần giai ».

(3) Trần Lý : Là hai đời vua nước ta đều sùng đạo Phật mà dân gian, nước mạnh, đuổi giặc Bắc mở cõi Nam.

(4) Huệ năng : Là vị Tổ thứ sáu về Thuyền Tông bên Trung-quốc thường gọi là lục tổ, ngài đi tu mà không đưc học, chỉ giữ việc giặt gạo trong từng lâm thế mà ngộ đạo, một hôm tự đọc ra một bài kệ rất siêu thoát, đưc To-sư truyền y bát cho.

Nào giới, nào định, nào tuệ, phát nguyện để mà tu trì,
Nào tham, nào sân, nào si, sám hối những điều quá thất,
Mộ khổ hạnh, mà bớt sa hoa, tiết dục tình mà chưa dám dứt,
Luân lý thì kinh lễ lục phương (1), báo ân từ thân,
Nhân từ thì lân mẫn chúng sinh, giới sát sinh vật.
Tri thức như thế, tri tuệ như thế, Phật dạy tự giác (2),
Nếu mang ra con đường khai hóa, chắc sẽ bỏ ích về linh thần;
Nhân nhục nhường nào, tình tiền nhường nào, Phật dạy
tự tu (3).

Nếu mang ra mọi việc thực-hành, có thể mở mang về vật chất,
Giám hối tu-hành ai đó, mấy kẻ chân tu ?
Mong rằng sùng Phật từ nay, phải nên theo thật.
Nếu mà, miệng niệm Nam-mô, lòng còn lếu láo,
Bà không biết tu làm, sao gọi là mộ đạo,
Thời dẫu lễ Phật mỗi lần trăm lễ cũng là vô công,
Mà theo một tháng cúng chùa hai lần cũng là uổng gạo ;
Than ôi ! tình độ không xa, phúc-duyên lòng tạo.
Lòng mà trong sạch, nhân-tâm tức là Phật-tâm,
Dạy để khuyên lành, Phật-Giáo khác gì Không-Giáo (4),
Đám dân tướng Sát-Bản cực lạc, không thị sắc thị không,
Xin hãy xem nhân quả luân hồi, thiện thiện báo, ác ác báo.

TRẦN-VĂN-ĐẠI

Tuần-phủ lưu-tri, trưởng-ban đại-lý hội Phật-giáo
(Hải-dương)

(1) Kinh lễ lục phương : Là một thuyết luân-lý thực hành của Phật. Nguyên ngoại đạo dạy người ta cứ sáng ngày nên chấp tay kính lễ về sáu phương là : đông, tây, nam, bắc dưới đất và trên trời thì được phúc Phật bên cải chính lại, đại ý nói : Đông thuộc cha con, tây thuộc vợ chồng, nam thuộc thầy trò, bắc thuộc họ hàng quen biết, dưới thuộc chủ nhà và người ở, trên thuộc đạo sư với tin đồ. Vậy về ngôi nào cũng làm hết bốn phận đối với nhau thì tức là « lễ sáu phương » đó, chủ cứ gì phải chấp tay vái lạy từng phương một như thế mới là lễ sáu phương.

(2) Tự giác : Tự tỉnh biết cho mình, rồi tỉnh biết cho kẻ khác.

(3) Tự tu : Tự sửa lỗi thân mình, có tự :ủa được thân mình bỏ mọi nết xấu mới làm nổi mọi việc to tát.

(4) Đạo Không dạy người chính tâm, đạo Phật dạy người minh tâm.

VIỆC THẾ - GIỚI

Các đảng chính-trị bên Pháp gần đây cạnh-tranh dữ quá. Liên-đoàn tả-dăng định đến kỳ nghị-viện khai-hội này thì đánh đổ nội-các Laval (La-van), nay nghị-viện đã khai-hội, nội-các lại được tín-nhiệm bằng 351 phiếu đối với 219 phiếu phản-đối. Thế là nội-các Laval lại đứng vững.

Việc Ý - Á chiến-tranh, Anh Pháp cố sức giảng hòa, nhưng Mussolini thủ-tướng Ý không chịu.

Phong-trào bài Anh vẫn bùng-bọt ở Ai-cập. Tại kinh-thành Le Caire (Lơ-ke), ngoài đường phố đều đầy những thân cây và cột đèn đổ. Hai đoàn xe điện bị đốt cháy. Trường đại-học phải đóng cửa. Học-sinh với lính cảnh-sát cứ xung-đột nhau luôn.

Ở Iâu, phong-trào-biệt-lập nước Hoa-bắc vẫn sôi-nổi. Người Nhật kéo quân vào Bắc-bình càng thêm nhiều. Họ đã chiếm lấy nhà ga Phong-đài thuộc con đường xe hỏa Kinh-Tân.

VIỆC TRONG NƯỚC

■ Theo hiệp-ước Nam-kinh, chính-phủ Pháp với Chính-phủ Tàu đã ký ngày 16 Mai 1930, người Tàu được đặt lĩn-sự ở đây, kiều-dân Tàu ở đây được đãi như người các ngoại-quốc khác, quan Toàn-quyền đã có nghị-định cho thi-hành các điều-lệ ấy.

■ Đã có nghị-định sửa đổi lại chế-độ thu thuế thuốc lá, thuốc là. Bây giờ chỉ những thuốc làm ra để bán mới phải nộp thuế, chứ không khám xét bắt thuế những nhà giồng thuốc và chứa thuốc hút riêng trong nhà như trước nữa.

Thuế xuất-cảng theo trước kia 0 \$ 50, nay hạ xuống 0 \$ 20.

■ Tòa đại-hình đã xử phạt người tây Gillard (Ghi-gia) hai năm tù về tội bắn chết người diên-tốt ở đồn-diên Cầu-lố.

Công việc tiến hành của hội Phật-Giáo

Ngày 7 Octobre 1935 ban Quản-trị họp Hội-đồng

1) Xét tờ trình của ông phó Thủ-quỹ Lê-Toại về việc tài-chính trong tháng Septembre 1935.

2) Xét 20 lá phiếu sớ số Đông-dương nhưng không cái nào trúng, những phiếu ấy lưu ở phòng Thư-ký làm chứng-chỉ.

3) Việc diễn-giảng của các cư-sỹ định từ tháng 10 giờ đi cứ đúng ngày rằm.

Ngày 20 Octobre 1935 ban Quản-trị họp Hội-đồng

1) Cụ Hội-trưởng đọc bức thư của quan Thống-sứ giả nhờ hội được tự-do tổ-chức các cuộc lạc-quyên làm chùa. Hội-đồng nhờ sư cụ Bình-vọng và hai ông Lê-văn-Phúc, Nguyễn-văn-Ngọc vào Hà-đông hỏi ý-kiến cụ Võ-hiền về việc lập sớ quyên do nhờ hứa của cụ từ trước.

2) Theo lời bàn của ông Văn-quang-Thuy, hội-đồng định làm tờ đạt đi các nơi hề ai giảng diễn bài nào không phải tự mình làm ra thời trước khi giảng diễn nên giới-thiệu tác-giả cho công chúng biết.

3) Cử ông Lê-văn-Phúc làm trưởng ban khánh-tiết ngày dân Phật Di-đà, 16, 17, 18 tháng 11 ta.

4) Xét việc chi thu trong chùa hội-quán.

5) Chuẩn-y việc ông Nguyễn-hữu-Kha xin làm lễ dẫn Phật Dược-sư vào ngày 23 tháng 3 ta.

Tin thành-lập các ban Đại-lý hội Phật-giáo

12) Ban Đại-lý hội Phật-giáo chùa Cảnh-diều (Ninh-bình) thành lập ngày 4-8-1935. Trưởng ban bên tăng là sư cụ Nguyễn-thanh-Quy. Trưởng ban bên tại-gia là ông Hà-đình-Tuyên, Cán-sự sở Địa-độc Ninh-bình. Hội-quán đặt ở chùa núi Cảnh-diều gần tỉnh-lỵ.

13) Ban Đại-lý hội Phật-giáo huyện Yên-mĩ (Hưng-yên) thành-lập ngày 6-8-1935. Trưởng ban bên tăng là sư cụ Thông-ấn, Trưởng ban bên tại-gia là ông Trần-thúc-Cáp, Huấn-đạo Yên-mĩ. Hội-quán đặt ở chùa làng Trai-trang.

14) Ban Đại-lý hội Phật-giáo huyện Văn-lâm (Hưng-yên) thành lập ngày 16-8-1935. Trưởng ban bên tăng là sư cụ Đỗ-văn-Ứng, tự Quang-thông, Trưởng ban bên tại-gia là ông Nguyễn-văn-Thu, Chánh-hội làng Trinh-xá. Hội-quán đặt ở chùa Bùng tức chùa Trinh-xá.

TIN CÁC HỘI-VIÊN QUÁ CỠ

Những hội-viên viên-tịch ghi qui-tính phương-danh như sau này, hội đều đã cử đại-biêu đưa lễ đến tang-gia viếng và cử ban Hộ-niệm đi tiếp dẫn Tày-qui khi tống-chung. Hiện thờ các linh-vị tại chùa Hội-quán trung ương hoặc địa-phương, tới tuần « tứ-cửu » vị nào, Hội-đều làm lễ siêu-độ.

Chủ-trì Hội-viên Sư bà Vũ-đàm-Thận, trụ-trì chùa Hòa-đa làng Yên-phúc, huyện Gia-khánh Ninh-bình, viên-tịch ngày 16 tháng 4 năm ất-hợi, (18-5-1935),

— Sư ông Phạm-vân-Lai, trụ-trì chùa Thượng-chất, huyện An-lão, Kiến-an, viên-tịch ngày mồng 1 tháng 6 năm ất-hợi (31-7-1935).

— Sư bà Nguyễn-thị-Viên tự Đàm-nghĩa, trụ-trì chùa Đạm-phúc, làng Gia-thụy, Bắc-ninh, viên-tịch ngày 9 tháng 6 năm ất-hợi (9-8-1935).

— Ông Nguyễn-Giáp ở huyện Hoàn-long viên-tịch ngày 22 tháng 7 năm ất-hợi (20-8-1935).

— Sư ông Nguyễn-văn-Uông, trụ-trì chùa Cát-lai, huyện Bình-lục, Hà-nam, viên-tịch ngày 24 tháng 7 năm ất-hợi (22-8-1935).

— Bà Lưu-thị Hòa-Hưng tức Lưu-thị-Lộc hiệu Diệu Phúc ở số nhà 62 phố Hàng Bạc, Hanoi, viên-tịch ngày 25 tháng 7 năm ất-hợi (23-8-1935).

— Bà Phạm-thị-Tĩnh ở làng Thổ-ốc, Hà-nam, viên-tịch ngày mồng 6 tháng 7 năm ất-hợi (4-8-1935).

HỘI THU

Ông Nguyễn-duy-Ninh sư cụ chùa An-trung Kinh-môn. Tiền cụ mua bảo chúng tôi đã nhận rồi và xin cảm ơn cụ cõ-dộng cho bản-báo.

Ông Nguyễn-văn-Tanh Tây-ninh. Ông Ngô-quang-Ngân có mua một năm báo Đuốc-tuế bảo gửi vô ông xin ông cứ nhận và nhờ ông giới thiệu với nhiều người khác mua đọc.

Ông Vũ-ngọc-Lâm Kiến-an, cắt mandat 28 \$ 50 ông gửi trả liền cho các độc-giả báo Đuốc-tuế ở qui hạt, chúng tôi đã nhận rồi. Còn những độc-giả chưa trả tiền đề sau này chúng tôi sẽ gửi tập reço xuống nhờ ông thu hộ.

Cụ Đào-Viên tự-chủ Thanh-hóa: Cảm ơn cụ đã giới-thiệu cho bản-báo được nhiều độc-giả và mong cụ cứ hết sức cõ-dộng giúp. Sau này hội sẽ gửi tập reço vô nhờ cụ cho đi thu tiền hộ.